

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 19-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Hoàng Huy

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Kim C, sinh năm 1973 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm Văn N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong lối sống và sinh hoạt hằng ngày, ông N nhiều lần nhậu nhẹt dẫn đến cự cãi, hăm dọa bà. Bà đã cho ông N cơ hội kiểm điểm nhưng không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà

yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Tâm Như (nữ) sinh ngày 15/4/2004 đang sống cùng bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Lâm Văn N không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Lê Kim C và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 22/6/2021 thể hiện cháu Lâm Tâm Như có nguyện vọng sống chung với bà C.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C về việc xin ly hôn với ông Lâm Văn N, giao con chung là Lâm Tâm Như sinh ngày 15/4/2004 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng; đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lâm Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Kim C và ông Lâm Văn N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà C yêu cầu được ly hôn với ông N do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Đối với ông N, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà C. Điều này cho thấy mâu

thuần giữa bà C và ông N đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C về việc xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng bà C, ông N có 01 người con chung tên Lâm Tâm Như (nữ) sinh ngày 15/4/2004 hiện do bà C nuôi dưỡng. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Kim C xin ly hôn với ông Lâm Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Lâm Tâm Như (nữ) sinh ngày 15/4/2004 cho bà C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010033 ngày 04/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà C, ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý